



BÁO CÁO THỰC TẬP

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Đồng Tháp

Giáo viên hướng dẫn : Nguyễn Quốc Trung

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Hải Yến



MỤC LỤC

<u>LỜI MỞ ĐẦU</u>	3
<u>CHƯƠNG 1</u>	4
<u>CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG CỦA CÔNG TÁC KẾ TOÁN</u>	4
<u>NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT</u>	4
<u>1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán nguyên vật liệu ở doanh nghiệp sản xuất.</u> ..4	
<u>1.1.1. Vị trí của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất :</u>	4
<u>1.1.2 Vai trò của kế toán nguyên vật liệu:</u>	5
<u>1.1.3 Phân loại và đánh giá vật liệu:</u>	7
<u>1.2 Nội dung của công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu:</u>	11
<u>1.2.1 Chứng từ kế toán:</u>	11
<u>1.2.2 Các phương pháp kế toán nguyên vật liệu:</u>	12
<u>1.2.3. Kế toán tổng hợp vật liệu</u>	13
<u>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU Ở CÔNG TY ĐỒNG THÁP.</u>	18
<u>2.1. Một số điểm khái quát về Công ty Đồng Tháp.</u>	18
<u>2.1.1. Sơ lược về quá trình hình thành và phát triển của Công ty Đồng Tháp.</u> ..18	
<u>2.1.2 Thực trạng công tác sản xuất kinh doanh của Công ty Đồng Tháp trong 3 năm trở lại đây.</u>	20
<u>2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và mặt hàng sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty Đồng Tháp.</u>	22
<u>2.1.4. Mặt hàng sản xuất kinh doanh.</u>	
<u>2.1.5. Nguồn nhân lực Công ty</u>	22
<u>2.1.6. Cơ cấu tổ chức sản xuất.</u>	24
<u>2.1.7. Mô hình quản lý và tổ chức quản lý.</u>	25
<u>2.1.8. Tổ chức công tác kế toán ở Công ty Đồng Tháp .</u>	28
<u>2.1.9. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán.</u>	29
<u>2.2. Thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Đồng Tháp.</u>	32

<u>2.2.1. Đặc điểm vật liệu và phân loại vật liệu</u>	32
<u>2.2.2 Đánh giá nguyên vật liệu ở Công ty Đồng Tháp</u>	36
<u>2.2.3. Phương thức hạch toán tình hình nhập - xuất nguyên vật liệu</u>	37
<u>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIÊN CÔNG</u>	
<u>TÁC</u>	
<u>KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIÊU Ở CÔNG TY ĐỒNG THÁP</u>	64
<u>3.1.Sự cần thiết</u>	64
<u>3.2. Những ưu, nhược điểm</u>	64
<u>3.3. Phương hướng hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Đồng Tháp</u>	67
<u>KẾT LUẬN</u>	72
<u>TÀI LIỆU THAM KHẢO</u>	74

LỜI MỞ ĐẦU

Cơ chế thị trường và quy luật khắt khe của nó buộc các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh muốn tồn tại và phát triển phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện công tác kế toán. Trong đó việc xác định các yếu tố đầu vào hợp lý sao cho kết quả đầu ra cao nhất với giá cả và chất lượng sản phẩm có sức hút đối với người tiêu dùng là vấn đề quan tâm hàng đầu của các nhà quản lý.

Một doanh nghiệp sản xuất nhất thiết phải có nguyên vật liệu, chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm một tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Do đó một trong những mối quan tâm của doanh nghiệp sản xuất là công tác tổ chức ghi chép, phản ánh chi tiết, tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, nhập, xuất và tồn kho vật liệu, tính toán giá thành thực tế của vật liệu thu mua tình hình thực hiện kế hoạch cung ứng vật liệu cả về số lượng, chất lượng về mặt hàng. Với sự phát triển của xã hội, nhu cầu của con người ngày càng tăng, chủng loại hàng hoá phong phú và đa dạng thì vai trò của nguyên vật liệu là rất lớn trong việc đáp ứng nhu cầu của thị trường

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu, được sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo **Nguyễn Quốc Trung** cũng như sự giúp đỡ của các cán bộ phòng Kế toán - Tài vụ tại Công ty Đồng Tháp thuộc Sở công nghiệp Hà Nội em đã mạnh dạn chọn đề tài: *“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Đồng Tháp”*

Chuyên đề tốt nghiệp ngoài phần mở đầu và kết luận gồm có ba chương chính sau:

- **Chương 1: Cơ sở lý luận chung của công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất**
- **Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Đồng Tháp.**
- **Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Đồng Tháp**

CHƯƠNG I

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG CỦA CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

Một trong những điều kiện thiết yếu để tiến hành sản xuất là phải có đối tượng lao động. Vật liệu là một đối tượng lao động đã được thể hiện dưới dạng vật hoá như sắt, thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, bông trong doanh nghiệp dệt... dưới sự tác động của con người. Quản lý và hạch toán vật liệu là một bộ phận cấu thành quan trọng trong hệ thống quản lý tài chính. Nó có vai trò tích cực trong điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế sản xuất của doanh nghiệp

Khác với tư liệu lao động, vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định và khi tham gia vào quá trình sản xuất dưới sự tác động của lao động, chúng dịch chuyển một lần toàn bộ giá trị và giá trị sản phẩm mà nó tạo ra, hoặc bị thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra một hình thái vật chất mới của sản phẩm.

1.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU Ở DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.

1.1.1. Vị trí của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất :

Trong quá trình sản xuất, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chi phí để tạo ra sản phẩm, do đó vật liệu không chỉ quyết định đến mặt số lượng của sản phẩm mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm tạo ra. Xuất phát từ tầm quan trọng trên, việc giảm chi phí nguyên vật liệu, giảm mức tiêu hao vật liệu trong quá trình sản xuất cho mỗi đơn vị sản phẩm là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của quá trình sản xuất kinh

doanh. Điều đó sẽ làm hạ thấp chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận của doanh nghiệp đồng thời với một lượng chi phí vật liệu không đổi có thể làm ra được nhiều sản phẩm, tức là hiệu quả đồng vốn được nâng cao.

Để có được nguyên vật liệu đáp ứng kịp thời quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp thì nguồn chủ yếu là thu mua. Do đó, ở khâu này đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ về số lượng, qui cách, chủng loại, giá mua, chi phí thu mua và cả tiến độ về thời gian phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Ở khâu bảo quản dự trữ, doanh nghiệp phải tổ chức tốt kho tàng, bến bãi, thực hiện đúng chế độ bảo quản và xác định được định mức dự trữ tối thiểu, tối đa cho từng loại nguyên vật liệu để giảm bớt hư hỏng, hao hụt mất mát đảm bảo an toàn, giữ được chất lượng của nguyên vật liệu.

Ở khâu sử dụng, phải tuân thủ việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở định mức tiêu hao, dự toán chi phí nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Tóm lại vật liệu là yếu tố đầu tiên trong quá trình tạo ra sản phẩm. Muốn sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và tạo được uy tín trên thị trường thì nhất định phải tổ chức tốt khâu quản lý vật liệu.

1.1.2 Vai trò của kế toán nguyên vật liệu:

Vật liệu là một khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất của doanh nghiệp, ngoài ra nó là bộ phận quan trọng trong tổng số tồn kho ở doanh nghiệp. Do vậy việc quản lý và sử dụng vật liệu là một trong những nhân tố quyết định sự thành công của công tác quản lý kinh doanh.

Vật liệu là những yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, nếu quản lý và sử dụng tốt sẽ tạo ra cho các yếu tố đầu ra những cơ hội tốt để tiêu thụ. Chính vì

vậy trong suốt quá trình luân chuyển, việc giám đốc chặt chẽ số lượng vật liệu mua vào, xuất dùng để đảm bảo cho chất lượng sản phẩm theo đúng yêu cầu về kỹ thuật, giá trị đã đề ra đòi hỏi cán bộ kế toán vật liệu phải thực hiện những nhiệm vụ đó, đó là:

-Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ, tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, nhập - xuất - tồn kho vật liệu, tình hình luân chuyển vật tư hàng hoá cả về giá trị và hiện vật. Tính toán đúng đắn giá vốn (hoặc giá thành) thực tế của vật liệu đã thu mua, nhập và xuất kho doanh nghiệp, kiểm tra tình hình thu mua vật liệu về các mặt: số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời chủng loại vật liệu và các thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình sản xuất và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

-Áp dụng đúng đắn các phương pháp và kỹ thuật hạch toán hàng tồn kho, mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép phản ánh, phân loại, tổng hợp số liệu... về tình hình hiện có và sự biến động tăng giảm trong quá trình sản xuất kinh doanh, cung cấp số liệu kịp thời để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

-Tổ chức đánh giá, phân loại vật liệu, kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng vật liệu, tính toán xác định chính xác số lượng giá trị vật liệu cho các đối tượng sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

-Tham gia kiểm kê đánh giá lại hàng tồn kho theo đúng chế độ nhà nước quy định, lập các báo cáo về vật liệu phục vụ cho công tác quản lý và lãnh đạo, tiến hành phân tích đánh giá vật liệu ở từng khâu nhằm đưa ra đầy đủ các thông tin cần thiết cho quá trình quản lý.

1.1.3 Phân loại và đánh giá vật liệu:

*** *Phân loại vật liệu:***

Trong các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu bao gồm nhiều loại, nhiều thứ khác nhau với nội dung kinh tế và tính năng lý hóa học khác nhau. Để có thể quản lý một cách chặt chẽ và tổ chức hạch toán với từng thứ, loại vật liệu phục vụ cho kế toán quản trị cần thiết phải tiến hành phân loại vật liệu. Phân loại vật liệu là việc sắp xếp vật liệu có cùng một tiêu thức nào đó vào một loại. Đối với vật liệu căn cứ vào nội dung kinh tế, vai trò của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh, vào yêu cầu quản lý, vật liệu được chia thành các loại sau:

-*Nguyên vật liệu chính*: là đối tượng lao động cấu thành nên thực thể của sản phẩm như: sắt thép trong các doanh nghiệp chế tạo máy, cơ khí; bông trong các nhà máy sợi, gạch, ngói, xi măng trong xây dựng cơ bản; hạt giống, phân bón trong nông nghiệp, vật liệu kết cấu trong xây dựng cơ bản. Nguyên liệu cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất chế tạo ra sản phẩm hàng hoá.

-*Vật liệu phụ*: Là những loại vật liệu khi sử dụng chỉ có tác dụng phụ có thể làm tăng chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc đảm bảo cho các công cụ dụng cụ hoạt động bình thường như: thuốc nhuộm, thuốc tẩy, dầu nhờn,

-*Nhiên liệu*: Là những thứ dùng để cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất sản phẩm, cho các phương tiện máy móc thiết bị hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh như than, củi, xăng dầu, hơi đốt, khí đốt...

-*Phụ tùng thay thế*: Là những chi tiết phụ tùng máy móc để sửa chữa và thay thế cho máy móc thiết bị sản xuất...

-*Thiết bị xây dựng cơ bản*: Bao gồm những vật liệu, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào các công trình xây dựng cơ bản.

-Vật liệu khác: Là những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên thường là những vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất, hoặc phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định.

Trên thực tế việc sắp xếp vật liệu theo từng loại như đã trình bày ở trên là căn cứ vào công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu ở từng đơn vị cụ thể, bởi vì có thứ nguyên vật liệu ở đơn vị này là nguyên vật liệu chính, nhưng ở đơn vị khác lại là vật liệu phụ... Cách phân loại trên là cơ sở để xác định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu là cơ sở tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

*** *Đánh giá vật liệu:***

Đánh giá vật liệu là việc xác định giá trị của nguyên vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định.

Theo chuẩn mực 02-Hàng tồn kho thì vật liệu phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng
- Nguyên tắc nhất quán.
- Sự hình thành trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Đánh giá vật liệu theo giá thực tế:

*** *Giá thực tế nhập kho:***

Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho được phản ánh theo từng nguồn nhập:

+*Nhập kho do mua ngoài:* Trị giá vốn thực tế nhập kho gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua vật tư,

trừ đi các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do không đúng qui cách, phẩm chất.

-Với cơ sở kinh doanh là đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giá mua là giá chưa có thuế giá trị gia tăng

-Trường hợp nguyên vật liệu mua vào được sử dụng cho các đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp khấu trừ, hoặc sử dụng cho các mục đích phúc lợi, các dự án... thì giá mua bao gồm cả thuế giá trị gia tăng (là tổng giá thanh toán).

+Giá thực tế của nguyên vật liệu tự chế biến bao gồm giá thực tế nguyên liệu, vật liệu chế biến và chi phí chế biến.

+Giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến bao gồm giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất chế biến, chi phí vận chuyển nguyên liệu, vật liệu đến nơi chế biến và từ nơi chế biến về đơn vị, tiền thuê ngoài gia công, chế biến(theo hợp đồng gia công).

+Nhập nguyên vật liệu do nhận góp vốn liên doanh: Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do hội đồng liên doanh thỏa thuận cộng các chi phí khác phát sinh khi tiếp nhận nguyên vật liệu

+ Nhập nguyên vật liệu do được cấp: Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá được ghi trên biên bản giao nhận cộng các chi phí phát sinh khi nhận.

+ Nhập nguyên vật liệu do được biếu tặng tài trợ: Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá hợp lý cộng các chi phí hợp lý phát sinh khi nhận.

□ *Giá thực tế xuất kho:*

Nguyên vật liệu nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Tùy theo đặc điểm từng doanh nghiệp về yêu cầu quản lý, trình độ của cán bộ kế toán có thể sử dụng một trong các phương

pháp sau theo nguyên tắc nhất quán trong hạch toán. Nếu có thay đổi phải giải thích rõ ràng.

Theo chuẩn mực số 02- Hàng tồn kho gồm có các phương pháp sau:

+*Phương pháp tính theo giá đích danh*: Theo phương pháp này khi xuất kho nguyên vật liệu thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho

+*Phương pháp bình quân gia quyền*: Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{NVL xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{gia quyền} \end{array}$$

Trong đó, đơn giá thực tế bình quân được xác định như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế NVL} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế NVL} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng NVL} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

+*Phương pháp nhập trước, xuất trước*: Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

$$\text{Trị giá thực tế NVL xuất kho} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế đơn vị của} \\ \text{NVL nhập kho theo từng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL xuất kho} \\ \text{trong kỳ thuộc số lượng} \end{array}$$

lần nhập kho trước

từng lần nhập kho

+*Phương pháp nhập sau xuất trước*: Phương pháp này dựa trên giả định là nguyên vật liệu nào nhập kho sau thì xuất kho trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên.

Trong thực tế ngoài các phương pháp tính trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu theo chuẩn mực 02-Hàng tồn kho quy định thì các doanh nghiệp còn áp dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp tính theo đơn giá tồn đầu kỳ.
- Tính theo giá hạch toán

1.2 NỘI DUNG CỦA CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU:

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho, nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động từng loại, nhóm, thứ nguyên vật liệu về số lượng và giá trị. Các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở các sổ kế toán chi tiết và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phù hợp để góp phần tăng cường quản lý nguyên vật liệu.

1.2.1 Chứng từ kế toán:

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất nguyên vật liệu đều phải lập chứng từ đầy đủ kịp thời, đúng chế độ quy định.

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo quyết định 1141/TC/QĐ/CDKT ngày 01/11/1995 và theo QĐ 885/1998/QĐ/BTC ngày 16/7/1998

của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán về vật liệu phải được tiến hành đồng thời ở kho và ở phòng kế toán bao gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03-VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm hàng hoá (Mẫu 08-VT)
- Hóa đơn GTGT (mẫu 01-GTKT -3LN)
- Hoá đơn bán hàng mẫu (02 GTKT-3LN).
- Hoá đơn cước vận chuyển (mẫu 03-BH)

Ngoài ra các doanh nghiệp còn sử dụng nhiều chứng từ khác tùy thuộc vào đặc điểm tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hoạt động, thành phần kinh tế khác nhau.

***Sổ kế toán:**

Tùy thuộc vào phương pháp hạch toán áp dụng trong doanh nghiệp mà sử dụng các sổ (thẻ) kế toán sau:

- Sổ (thẻ) kho.
- Sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu
- Sổ đối chiếu luân chuyển.
- Sổ số dư.

1.2.2 Các phương pháp kế toán nguyên vật liệu:

Tổ chức tốt kế toán chi tiết vật liệu có ý nghĩa quan trọng đối với công tác bảo quản vật liệu và công tác kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng vật liệu. Kế toán vật liệu vừa được thực hiện ở kho vừa được thực hiện ở phòng kế toán

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện theo một trong ba phương pháp: Phương pháp thẻ song song, phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển, phương pháp sổ dư. Nội dung ghi chép của 3 phương pháp:

Ở kho: Cả ba phương pháp đều dùng sổ (thẻ) kho để ghi chép tình hình xuất- nhập - tồn nguyên vật liệu về mặt số lượng, ghi theo danh điểm và ghi hàng ngày

Ở phòng kế toán: ghi chép cả về mặt số lượng và giá trị của từng thứ vật liệu cụ thể

1.2.3. Kế toán tổng hợp vật liệu

Kế toán tổng hợp vật liệu trong doanh nghiệp thường có 2 cách : Kế toán vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên và kế toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

a). Kế toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

*Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi việc nhập xuất và tồn kho vật liệu một cách thường xuyên trên sổ kế toán. Đây là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho vật liệu một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho.

**Kế toán sử dụng TK sau:*

TK 152 “nguyên liệu, vật liệu”: Tài khoản này dùng để ghi chép số hiện có và tình hình tăng giảm vật liệu theo giá thực tế.

Ta có thể mở thêm tài khoản cấp II, III của TK này để kế toán chi tiết vật liệu (tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp)

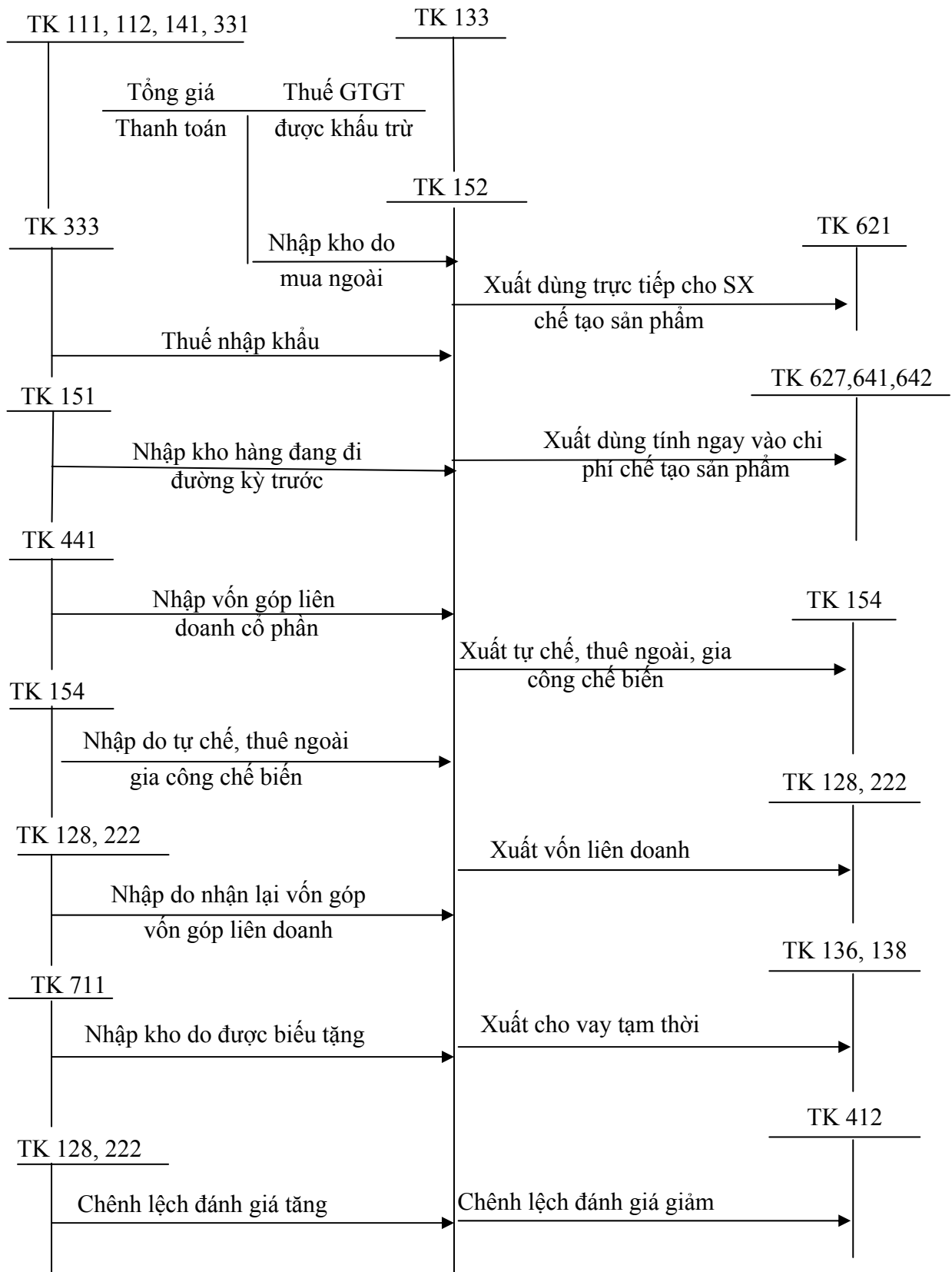
TK 331 “Phải trả cho người bán: Tài khoản này dùng để phản ánh quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp và người bán, người nhận thầu về khoán vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ, theo hợp đồng kinh tế đã ký kết và cũng có thể mở chi tiết bằng các tài khoản cấp 2,3 .

+Tài khoản 151 “hàng mua đang đi đường”: Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của số hàng đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng cuối tháng vẫn chưa về nhập kho hoặc chuyển giao cho các đối tượng sử dụng bởi khách hàng .

Ngoài ra kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như :TK111,TK 112, TK141, TK 128, TK 222, TK 241, TK 411, TK 627, TK 641, TK 642, TK 711, TK 412...

Sơ đồ trang sau:

SƠ ĐỒ THEO PHƯƠNG PHÁP KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN



b).Kế toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi phản ánh thường xuyên liên tục tình hình nhập xuất vật liệu trên các tài khoản tương ứng. Theo phương pháp này thì mọi nghiệp vụ nhập xuất vật liệu đều được phản ánh qua TK611

Tài khoản 611 dùng để phản ánh tình hình biến động của vật liệu, hàng hoá trong kỳ. Theo quy định hiện nay TK này có 2 cấp sau:

TK 6111: Mua nguyên vật liệu.

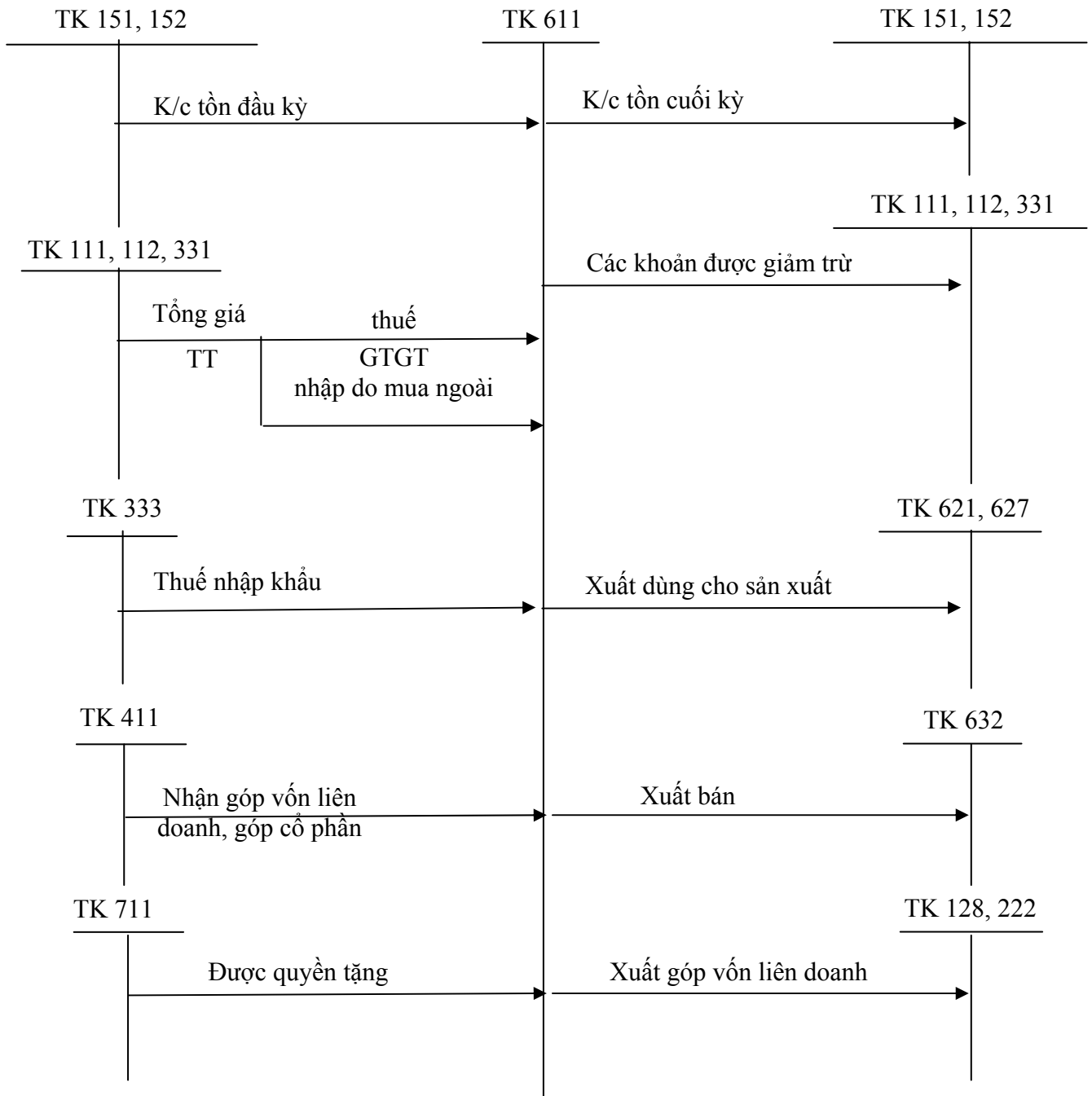
TK 6112: Mua hàng hoá

Riêng TK151, 152 chỉ được sử dụng để phản ánh trị giá vật liệu hiện có đầu kỳ và cuối kỳ. Tức là số liệu hàng tồn kho sẽ không căn cứ vào số liệu trên các tài khoản, sổ kế toán để tính mà lại căn cứ vào kết quả kiểm kê. Giá trị xuất kho cũng không căn cứ trực tiếp vào các chứng từ kho để tổng hợp phân loại theo đối tượng sử dụng rồi ghi vào sổ mà căn cứ vào kết quả kiểm kê và giá trị vật tư hàng hoá mua vào trong kỳ và được tính toán theo công thức.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế VL} & & \text{Giá thực tế VL} & & \text{Giá thực tế VL} & & \text{Giá thực tế VL} \\ & = & & + & & - & \\ \text{xuất t.kỳ} & & \text{tồn đ. Kỳ} & & \text{nhập t.kỳ} & & \text{tồn c.kỳ} \end{array}$$

Sơ đồ kế toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

SƠ ĐỒ THEO PHƯƠNG PHÁP KIỂM KÊ ĐỊNH KỲ



CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU Ở CÔNG TY ĐỒNG THÁP.

2.1. MỘT SỐ ĐIỂM KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY ĐỒNG THÁP.

2.1.1. Sơ lược về quá trình hình thành và phát triển của Công ty Đồng Tháp.

Công ty Đồng Tháp tiền thân chỉ là một tổ cơ khí sản xuất nhỏ với mục đích sửa chữa các máy chế biến gỗ của tư nhân và sản xuất một số sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp máy tuốt lúa, máy nghiền DKU... thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, ngày 11/5/1960, bộ phận này sáp nhập cùng 12 cơ sở sản xuất khác và thành lập ra “xí nghiệp công tư hợp doanh Đồng Tháp” do cục công nghiệp Hà Nội quản lý theo quyết định số 686/QĐUB của ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với sản phẩm truyền thống chuyên sản xuất các loại thiết bị chế biến gỗ gồm hai hệ xẻ và mộc.

Có bề dày hơn 40 năm sản xuất gia công máy móc, sản phẩm của Công ty Đồng Tháp phong phú về chủng loại, đa dạng về kiểu dáng và chất lượng ngày càng được nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu của người sử dụng. Tính đến nay sản phẩm đã cung cấp cho ngành kinh tế quốc dân ở khắp các tỉnh thành trong cả nước và xuất sang 2 nước bạn Lào và Campuchia cùng hàng loạt các loại phụ tùng, phụ kiện, thiết bị lẻ kèm theo. Nhiều loại máy của Công ty Đồng Tháp từng được tặng huy chương vàng và Bạc tại đại hội triển lãm kinh tế kỹ thuật toàn quốc.

Quá trình hoạt động của Công ty Đồng Tháp đã trải qua nhiều thăng trầm và có nhiều biến động. Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu được tập trung ở 3 giai đoạn chính.

+ Từ năm 1960-1975:

Đây là những năm đầu hoạt động doanh nghiệp Đồng Tháp sản xuất các sản phẩm phục vụ cho nhiều đơn vị khai thác lâm sản trên các tỉnh phía Bắc. Doanh nghiệp sản xuất hàng loạt máy chế biến gỗ (không đóng mác) kịp thời chuyển phục vụ cho chiến trường Miền Nam, là cầu phao phục vụ đặc lực cho miền Bắc chống chiến tranh phá hoại.

+ Từ năm 1975 -1985.

Đây là những năm đầu sau giải phóng, cũng là thời kỳ sôi động nhất của doanh nghiệp Đồng Tháp. Doanh nghiệp luôn luôn hoàn thành kế hoạch do cục công nghiệp Hà Nội (nay là sở công nghiệp). Mặt khác, doanh nghiệp Đồng Tháp tích cực cải tiến cũng như có nhiều đề tài thiết kế mới vào sản xuất, phát huy và duy trì tốt mặt hàng truyền thống từng được khách hàng cả nước tin dùng.

+ Từ năm 1985 đến nay.

Đây là giai đoạn khó khăn và thử thách đối với các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp Đồng Tháp nói riêng. Từ đó, đòi hỏi doanh nghiệp phải chủ động và mạnh dạn hơn trong tình hình nhà nước chuyển đổi nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế nhiều thành phần. Chuyển sang cơ chế mới còn rất nhiều bỡ ngỡ và bắt đầu từ nhu cầu cấp bách của thị trường, doanh nghiệp Đồng Tháp dần làm quen với nguyên tắc tự hoạt động, tự trang trải, tự tồn tại và phát triển.

Sự thay đổi của Nhà nước về cơ chế quản lý kinh tế đã làm cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp Đồng Tháp nói riêng gặp rất nhiều khó khăn trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Sản phẩm làm ra không tiêu thụ được, thêm vào đó là giá cả vật tư tăng vọt và khan hiếm, việc làm chỉ đảm bảo cho 1/3 công nhân, đời sống cán bộ công nhân gặp rất nhiều khó khăn.

Tuy khó khăn như vậy song doanh nghiệp luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước. Doanh nghiệp dùng hình thức gia công chế biến, liên doanh liên kết tự tiêu thụ sản phẩm, tự xây dựng giá, tự tìm khách hàng đảm bảo hiệu quả, có lãi để cạnh tranh trên thị trường. Cùng thời gian này doanh nghiệp Đồng Tháp đã xin phép UBND thành phố Hà Nội và cấp quản lý trực tiếp, trực tiếp là sở công nghiệp Hà Nội cho phép thành lập lại doanh nghiệp nhà nước lấy tên là “Nhà máy cơ khí Đồng Tháp theo quyết định số 2835/QĐUB ngày 11/6/1992 của UBND thành phố Hà Nội”

Năm 1991 thực hiện chủ trương của Nhà nước về vấn đề bảo vệ môi trường và cảnh quan đô thị, nhà máy cơ khí Đồng Tháp đã rời từ số 1 phố Vọng đến địa điểm 129^D Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội với cơ sở sản xuất chính với gần 6000 m².

Năm 1994, do nhu cầu mở rộng phạm vi sản xuất kinh doanh Nhà máy cơ khí Đồng Tháp xin đổi tên thành Công ty Đồng Tháp và được ủy ban thành phố Hà Nội phê duyệt theo quyết định số 3491/QĐUB ngày 13/12/1994.

Tên đơn vị: Công ty Đồng Tháp.

Địa điểm: 129^D Trương Định - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Điện thoại: 8.631 887 Fax: 8.632 943

Tài khoản: 71A-0015 Hội sở Ngân hàng công thương Việt Nam

2.1.2 Thực trạng công tác sản xuất kinh doanh của Công ty Đồng Tháp trong 3 năm trở lại đây.

Thể hiện ở một số bảng sau:

Bảng 1: Một số chỉ tiêu chủ yếu về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh từ năm 2002-2004

STT	Chỉ tiêu	Đ/vi tính	Thực hiện		
			2002	2003	2004
1	Giá trị sản xuất CN	1000 ^d	1.750.000	4.250.000	6.250.000
2	Doanh thu		10.287.500	6.233.750	8.375.000
3	Nộp ngân sách		1.908.750	211.356	236.097
4	Sản phẩm		106	184	238
5	Lợi nhuận thực hiện		1.007.290		
6	Thu nhập bq/người/tháng		775.000	996.514	1.163.928

Nhìn bảng bảng trên ta thấy hoạt động kinh doanh các sản phẩm chính hiệu của Công ty tiêu thụ liên tục tăng, giá trị sản xuất công nghiệp tăng, thu nhập tăng... Những chỉ tiêu trên đã khẳng định phần nào sự thích nghi và phát triển của Công ty trong nền kinh tế thị trường.

Bảng 2:

STT	Chỉ tiêu	Đ/vi tính	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
1	Giá trị sản xuất	đồng	7.200.000.000	6.250.000.000	86,8%
2	Doanh thu	đồng	9.600.000.000	8.375.000.000	87,2%
3	Nộp ngân sách	đồng	314.000.000	236.097.670	75,19%
4	Sản phẩm chủ yếu	đồng	228	238	104,4%
5	Thu nhập bình quân	đồng	1.050.000	1.163.928	141,9%

2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và mặt hàng sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty Đồng Tháp.

- Thiết kế, chế tạo máy phục vụ ngành nông nghiệp và máy chế biến gỗ cho nền kinh tế quốc dân.
- Sản xuất đồ gỗ dân dụng, xuất khẩu các sản phẩm của Công ty.
- Nhập khẩu vật tư kỹ thuật, máy móc thiết bị, phụ tùng thuộc ngành cơ khí phục vụ nhu cầu của thị trường.

2.1.4. Mặt hàng sản xuất kinh doanh.

Các sản phẩm chủ yếu của Công ty là máy chế biến gỗ bao gồm:

- Hệ sê: máy cưa vòng đẩy CD7, CD7M
 - Máy cưa đĩa.
 - Máy cưa lượn.
- Hệ mộc:
 - Máy bào cuốn.
 - Máy bào thẳm.
 - Máy phay đứng 120.
 - Máy liên hợp.
 - Máy đục lỗ vuông.

Ngoài ra Công ty Đồng Tháp còn sản xuất một số phụ tùng kèm theo:

- Máy mài hai đá: dùng để mài lưỡi cưa và dụng cụ bằng tay.
- Bàn hàn lưỡi cưa: để hàn lưỡi cưa vòng.
- Kìm bóp me: dùng để làm me của lưỡi cưa vòng.
- Bể lò rèn: để rèn dụng cụ, hàn lưỡi cưa.

Và các đồ gá định hình để cắt gỗ, làm phào, phục vụ cho sản xuất đồ mộc nội thất. Máy ở xe máy vô động cơ xe máy, vành nan hoa xe máy, dây truyền sản xuất của Thụy Sĩ.

2.1.5 Nguồn nhân lực công ty :

Đây là điều tất yếu hết sức quan trọng quyết định đến sự thành công hay thất bại của công ty. Chính vì thế, ngay từ khi thành lập Công ty không ngừng đầu tư phát triển nguồn nhân lực .

Hàng năm công ty vẫn tổ chức tuyển thêm công nhân viên từ nguồn cao đẳng, đại học và trung học dạy nghề.....Đến nay công ty đã có 120 cán bộ công nhân viên , điều quan trọng là tuổi đời của cán bộ công nhân viên trong công ty còn trẻ, nên đã không ngừng phát huy tính sáng tạo của tuổi trẻ.

Để phát huy tối ưu thế mạnh này nhờ công ty đã áp dụng chế độ tiền lương thỏa đáng. Mỗi các bộ công nhân viên được giao nhiệm vụ cụ thể và trực tiếp chịu trách nhiệm trước công ty , người làm tốt sẽ có thưởng vào cuối tháng. Công ty cũng đã áp dụng chế độ khoán theo sản phẩm nên mọi công nhân trong công ty đều tận tâm với công việc của mình.

Đầu tư cho đào tạo tăng cường chất xám cho cán bộ công nhân viên cũng là một điều kiện quan trọng để công ty phát triển vững mạnh. Công ty xác định được rằng con người là nền tảng quan trọng vững chắc tạo nên sự thành công của Công ty. Tất cả 100% công nhân viên vào làm việc của công ty đã được đào tạo qua các trường lớp.

2.1.6. Cơ cấu tổ chức sản xuất.

Là sự tập hợp các bộ phận sản xuất chính, sản xuất phụ trợ và các bộ phận phục vụ có tính chất sản xuất cùng với mối quan hệ giữa các bộ phận đó với nhau trong quá trình sản xuất.

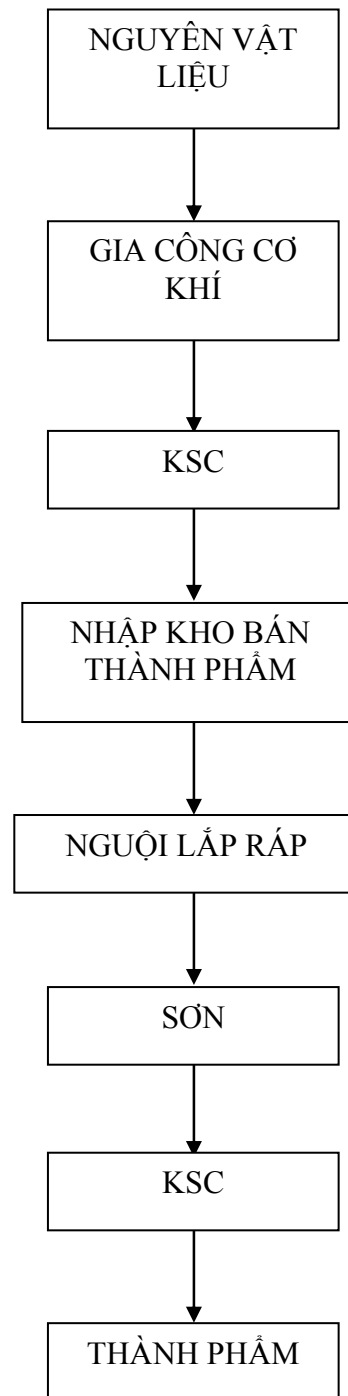
Các bộ phận sản xuất chính:

Phân xưởng cơ khí gồm có: gò, rèn, hàn, tiện, phay, bào, khoan, lắp ráp, sơn

Bộ phận sản xuất phụ gồm có: các loại hàng nhận gia công sửa chữa các sản phẩm có doanh thu thấp, tận dụng các dụng cụ các phế liệu của quá trình sản xuất.

Bộ phận sản xuất phụ trợ: phân xưởng vận chuyển, kho bán thành phẩm, bộ phận KCS.

Sơ đồ: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm.



2.1.7. Mô hình quản lý và tổ chức quản lý.

Hiện nay Công ty Đồng Tháp quản lý theo 2 cấp: cấp Công ty và cấp phân xưởng. Cơ cấu tổ chức quản lý theo kiểu trực tuyến chức năng, kiểu quản lý hiện

nay rất phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Mỗi một phòng ban có một chức năng, nhiệm vụ riêng.

Giám đốc: là đại diện pháp nhân của doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên và pháp luật. Về điều hành hoạt động của doanh nghiệp. Giám đốc có quyền hành cao nhất trong doanh nghiệp.

Đồng chí giám đốc trực tiếp phụ trách.

- Phòng tổ chức hành chính bảo vệ
- Trưởng ban thi đua khen thưởng.
- Chủ tịch hội đồng kỷ luật.
- Chỉ huy trưởng lực lượng bảo vệ và an ninh quốc phòng.

*Phó giám đốc kinh doanh: chịu trách nhiệm trước giám đốc, trực tiếp chỉ đạo khối kinh tế và nghiệp vụ gồm các phòng ban chức năng.

+ Chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng kế hoạch năm kế hoạch dài hạn.

+ Phụ trách công tác cung cấp vật tư, nguyên nhiên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm.

+ Chịu trách nhiệm công tác đối ngoại, giao dịch mở rộng thị trường, mở rộng sản xuất kinh doanh.

+ Chỉ đạo công tác thống kê - kế toán, hạch toán của Công ty.

*Phó giám đốc kỹ thuật - sản xuất:

+ Chỉ đạo công tác tiến bộ kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến và thiết kế sản phẩm mới...

Dưới quyền của giám đốc và phó giám đốc là các phòng ban.

- Phòng kế hoạch - thương mại: có nhiệm vụ xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn, điều hành sản xuất, ký các hợp đồng mua bán quản lý kho tàng, thống kê tổng hợp.

- Phòng tài vụ: có nhiệm vụ ghi chép, phản ánh toàn bộ hoạt động của Công ty, giám sát tình hình sử dụng vốn (vốn cố định, vốn lưu động), tình hình tài chính và các hoạt động khác.

- Phòng tổ chức hành chính bảo vệ.

- Phòng kỹ thuật- công nghệ: Nghiên cứu thiết kế các sản phẩm mới và cải tiến sản phẩm, xây dựng định mức vật tư, nguyên nhiên vật liệu và định mức lao động cho sản phẩm mới, quản lý về chất lượng sản phẩm.

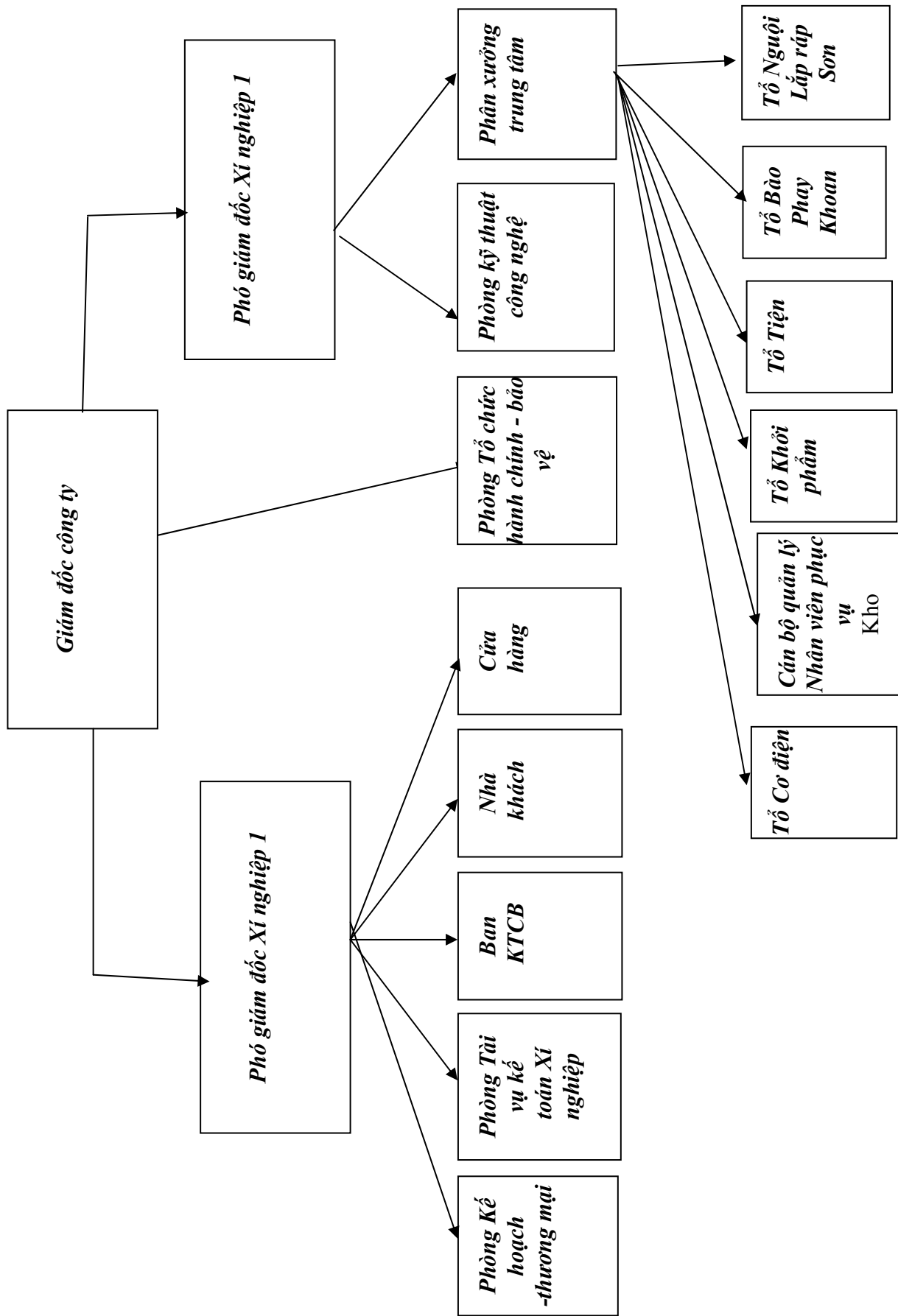
- Phân xưởng sản xuất trung tâm: có nhiệm vụ thực hiện và hoàn thành sản phẩm thông qua các bước công nghệ.

- Ban kiến thiết cơ bản: có nhiệm vụ sửa chữa, thiết kế các công trình của Công ty.

- Nhà khách có nhiệm vụ tiếp khách đến giao dịch với Công ty

- Cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm của Công ty

Các bộ phận của Công ty đã tạo được mối quan hệ mật thiết luôn hỗ trợ cho nhau giải quyết các vấn đề chồng chéo lên nhau, cùng nhau tạo ra hiệu quả tốt trong quá trình quản lý và sản xuất kinh doanh.



2.1.8. Tổ chức công tác kế toán ở Công ty Đồng Tháp .

Nhiệm vụ của bộ máy kế toán công ty Đồng Tháp là tổ chức quản lý mọi mặt hoạt động liên quan đến công tác tài chính kế toán của công ty như: tổng hợp thu –chi , công nợ, giá thành, hạch toán , dự toán sử dụng nguồn vốn,NVL, quản lý tiền mặt.....

Để phù hợp với tình hình , đặc điểm tổ chức quản lý của công ty cũng như nhiệm vụ của mình , mô hình bộ máy kế toán gồm 6 người và họ được phân công những việc cụ thể sau:

-Kế toán trưởng đồng thời là kế toán sản xuất và giá thành, tổ chức điều hành hệ thống kế toán, tham mưu cho giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Làm công tác tính giá và tổng hợp số liệu ghi sổ cái và lập các báo cáo tài chính theo quy định của nhà nước.

- Kế toán thanh toán và kế toán tiền mặt, tiền gửi. Có nhiệm vụ theo dõi TK 331, theo dõi việc thu chi bằng tiền vào các bảng kê số 1, nhật ký chứng từ số 1.

- Kế toán tiền lương: theo dõi việc trả lương, BHXH, KPCĐ cho cán bộ công nhân viên.

- Kế toán nguyên vật liệu: theo dõi nguyên vật liệu nhập, xuất, tồn...

- Kế toán tiêu thụ: theo dõi TK131 (thanh toán với người mua) cuối tháng vào bảng kê số 11 rồi chuyển cho kế toán tổng hợp vào sổ.

2.1.9. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán.

Trong những năm gần đây, do đất nước chuyển mình theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước nên rất nhiều lĩnh vực được thay đổi để thích ứng với tình hình mới,cơ cấu tài chính kế toán cũng đã có những bước thay đổi biểu hiện ở sự ra đời của hệ thống kế toán mới ban hành theo quyết định 1141 – TC/QĐ/CĐKT ngày 01/11/1995 do bộ tài chính ban hành tuân thủ các tài khoản

cấp 1; tài khoản cấp 2 cho phù hợp với đặc điểm ngành. Hệ thống tài khoản này áp dụng thống nhất trong công ty Đồng Tháp từ 01/01/1996.

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức kinh doanh, chế độ hiện hành của nhà nước công tác tổ chức kế toán của Công ty Đồng Tháp có những đặc điểm sau.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

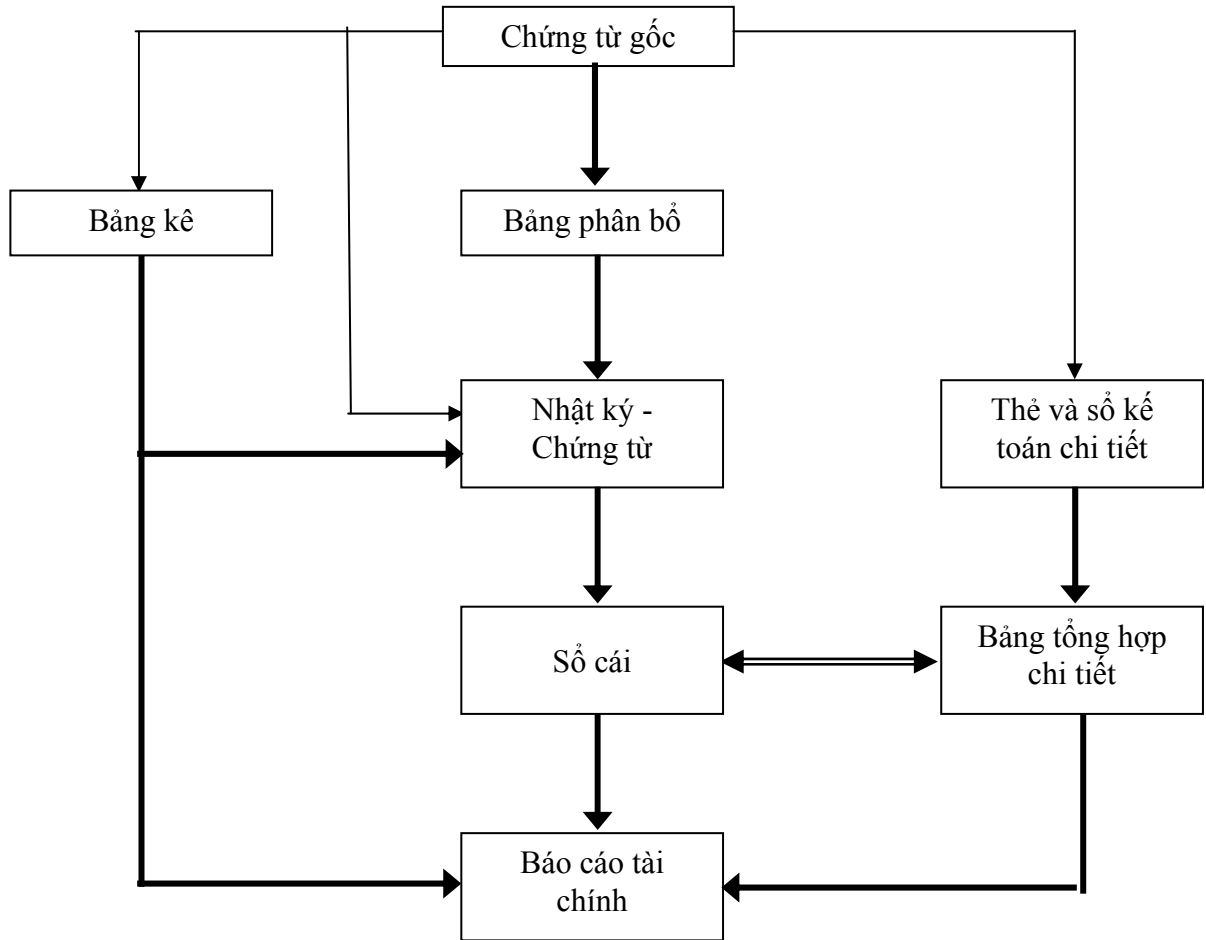
- Niên độ kế toán bắt đầu ngày 01/01/N đến ngày 31/12/N.

- Xác định giá trị hàng tồn kho của Công ty theo giá đích danh, giá vốn hàng bán là giá trị thực tế dựa trên những chi phí bỏ ra trong quá trình sản xuất tính vào giá thành sản phẩm.


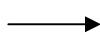

- Đơn vị tiền tệ được sử dụng VNĐ. Nếu có nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ thì được quy đổi VNĐ theo tỷ giá ngân hàng công bố tại thời điểm hạch toán.

Để thích ứng với điều kiện thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty áp dụng hình thức tổ chức kế toán là nhật ký chứng từ. Tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán tài chính của công ty.

Sơ đồ: Nhật ký- chứng từ



Ghi chú:

-  Ghi cuối tháng
-  Ghi đầu tháng
-  Ghi đối chiếu kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lấy số liệu trực tiếp ghi vào bảng kê cuối tháng ghi thẻ và sổ kế toán có liên quan.

Nhật ký chứng từ được ghi hàng ngày dựa trên số liệu của chứng từ gốc, cuối tháng chuyển số tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết vào nhật ký chứng từ. Căn cứ vào số liệu trên các bảng phân bổ, kế toán ghi vào nhật ký chứng từ liên

quan. Cuối tháng khoá sổ, cộng các số liệu trên các nhật ký chứng từ và ghi vào sổ cái. Đối với các chứng từ liên quan đến sổ và thẻ kế toán chi tiết ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng cộng sổ, thẻ kế toán và căn cứ vào đó lập bảng cân đối tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái. Số liệu chứng từ, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

2.2. THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU Ở CÔNG TY ĐỒNG THÁP.

2.2.1. Đặc điểm vật liệu và phân loại vật liệu.

2.2.1.1. Đặc điểm của nguyên vật liệu.

Với số lượng sản phẩm đa dạng phong phú với nhiều chủng loại khác nhau, thì Công ty cần phải sử dụng nhiều loại nguyên vật liệu khác nhau như thép, đồng, chì, sắt, thiếc... nếu các loại nguyên vật liệu trên không được bảo quản tốt, không xây dựng nhà kho thì sẽ làm cho vật liệu trên han, gỉ, gây khó khăn trong quá trình sản xuất sản phẩm.

a. Tổ chức công tác thu mua nguyên vật liệu ở Công ty Đồng Tháp.

* Công tác thu mua nguyên vật liệu.

Ở Công ty, kế hoạch thu mua nguyên vật liệu được xây dựng dựa trên kế hoạch sản xuất (do phòng kế hoạch lập) đồng thời dựa trên định mức tiêu hao vật liệu cho từng loại sản phẩm. Do vậy hàng tháng, quý căn cứ vào khả năng sản xuất của Công ty giữa thu mua vật tư phục vụ kịp thời cho sản xuất.

Nguồn cung cấp vật tư.

Vật tư phục vụ cho công tác sản xuất của Công ty ở trong nước không phải nhập khẩu. Đây là điều kiện khá thuận lợi cho công tác thu mua vật liệu. Bởi nơi thu mua sẽ ảnh hưởng đến giá cả thu mua nguyên vật liệu, từ đó sẽ ảnh

hưởng đến chi phí sản xuất, giá thành, thu nhập và lợi nhuận. Những ảnh hưởng trên có quan hệ tỷ lệ nghịch với nhau, nếu nơi cung cấp nguyên vật liệu của Công ty ở xa ngoài những chi phí chung như nhà kho, bến bãi Công ty còn phải trả khoản chi phí vận chuyển, nếu ở gần thì chi phí vận chuyển thấp, giá thành của sản phẩm thấp, sản phẩm được khách hàng tin dùng được nhiều lợi nhuận và thu nhập bình quân đầu người cao, tạo nhiều công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên. Còn nếu chi phí vận chuyển, cộng các chi phí liên quan cao thì nó sẽ đội giá thành của sản phẩm lên, sản phẩm không đủ sức cạnh tranh với thị trường về giá cả thì dẫn đến tình trạng sản phẩm của Công ty sản xuất ra không được khách hàng tin dùng, dẫn đến lợi nhuận giảm và thu nhập bình quân người/tháng giảm xuống. Do đó vấn đề mua sản phẩm ở đâu và như thế nào đó cũng là vấn đề cần quan tâm ở Công ty.

Các đơn vị thường xuyên cung cấp vật liệu cho Công ty.

- + Công ty Mai Động (vật liệu gang)
- + Công ty đúc Mai Lâm (vô lăng gang)
- + Công ty cơ khí Giải Phóng (động cơ)
- + Đúc Phương Nam (phôi gang).
- + Công ty thương mại Việt Anh (thép).
- + Công ty cổ phần khí công nghiệp (ô xi).

Với những khách hàng thường xuyên có ký các hợp đồng mua bán, Công ty chủ yếu áp dụng theo phương thức mua hàng trả chậm, đôi khi mua theo phương thức trả tiền ngay.

Theo quy định của Công ty, khi mua nguyên vật liệu yêu cầu cần phải có hoá đơn GTGT do bộ tài chính phát hành kèm theo, trong ít trường hợp mua của

cá nhân không có hoá đơn đỏ thì người bán phải viết giấy biên nhận ghi rõ loại vật liệu mua về, số lượng, đơn giá, thành tiền

b) Tổ chức hệ thống kho tàng.

Nếu như khâu thu mua ảnh hưởng đến số lượng sản phẩm được sản xuất ra, nguồn cung cấp vật tư ảnh hưởng đến giá thành, lợi nhuận, thì nhân tố kho tàng cũng tác động đến chất lượng của sản phẩm được sản xuất ra. Chính vì vậy, tổ chức hệ thống kho tàng để bảo quản vật tư là điều kiện cần thiết và không thể thiếu được ở bất kỳ doanh nghiệp nào. Ở Công ty Đồng Tháp có 2 kho phục vụ trực tiếp cho sản xuất là:

- + Kho thương phẩm: bulông, ốc vít, vòng đệm, vành đai...

- + Kho bán thành phẩm.

- + Kho thứ 3 là kho thành phẩm tức là sau khi mọi công đoạn thì sản phẩm được lắp thành máy ở kho thành phẩm. Mỗi loại vật liệu đều được sắp xếp 1 cách khoa học hợp lý, giờ lấy vật liệu được quy định rõ ràng sáng từ 7^h30 đến 8^h30 chiều 12^h30 đến 1^h30. Ngoài giờ trên thì thủ kho không giải quyết.

c) Hệ thống định mức.

Để đạt được mục tiêu là chi phí đầu vào là thấp nhất cho sản phẩm thì công tác quản lý vật liệu chắc chắn và có hiệu quả là rất cần thiết đối với các doanh nghiệp. Ở từng Công ty thì công tác quản lý khác nhau. Còn đối với Công ty Đồng Tháp thì ở phòng kỹ thuật cơ khí có nhiệm vụ nghiên cứu và xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho từng loại máy. Với máy CD7 cần những nguyên vật liệu gì, máy CD7M, CD8, hay máy của đĩa 50E, máy bào thắm (BT40C), máy mài lưỡi bào 800... để sản xuất những loại máy đó thì cần những nguyên vật liệu gì. Khi biết được những định mức của từng loại máy thì phòng

vật tư sẽ viết phiếu xuất kho dựa trên nhiệm vụ kế hoạch sản xuất mà Công ty giao cho từng phân xưởng, để sản xuất từng loại máy với những chi tiết của nó.

d) Quy chế bảo vệ và chế độ trách nhiệm vật chất.

Nói đến công tác quản lý vật tư thì không thể nói đến vai trò của thủ kho. Bởi thủ kho ngoài nhiệm vụ quản lý và bảo quản tốt nguyên vật liệu có không kho, còn phải cập nhật sổ sách hàng ngày, theo dõi số hiện có và tình hình nhập xuất nguyên vật liệu ở trong kho về mặt số lượng, hàng ngày ghi chép vào thẻ kho (mẫu 06VT), khi hết báo cho phòng kế hoạch, vật tư đi mua. Trường hợp thủ kho ghi thiếu so với kiểm kê thì phải bổ sung thẻ kho, còn trong trường hợp thủ kho không đảm bảo số lượng vật liệu khi kiểm kê mà có thể bị mất hoặc thất lạc, thì phải chịu bồi thường vật chất tùy thuộc mức độ.

Đối với người công nhân.

+ Khi nhận chi tiết thành phẩm hoặc bán thành phẩm để lắp ráp hoặc gia công sửa chữa... phải sơ bộ kiểm tra chất lượng, quy cách... (nứt vỡ, không đạt yêu cầu kỹ thuật. Sau khi nhận xong phải có trách nhiệm bảo quản giữ gìn nếu xảy ra mất mát hư hỏng ở khâu nào thì khâu đó chịu trách nhiệm.

+ Sản phẩm làm xong phải đưa vào nơi quy định, cuối ca là việc không để chi tiết bừa bãi mà phải xếp lại gọn gàng hoặc để vào trong kho.

2.2.1.2. Phân loại vật liệu ở Công ty Đồng Tháp.

Hiện nay Công ty sản xuất sản phẩm chính phục vụ cho ngành kinh tế quốc dân bao gồm các thiết bị máy chế biến gỗ, với nhiều chủng loại đa dạng và phong phú với sản lượng cung cấp cho thị trường hàng năm từ 160-180 nghìn sản phẩm. Ngoài các sản phẩm chính Công ty còn sản xuất các phụ tùng, linh kiện và các sản phẩm phụ khác, đảm bảo trang thiết bị đồng bộ và phục vụ thay thế sửa chữa. Để đáp ứng cho số lượng sản phẩm lớn như hiện nay thì khối

lượng nguyên vật liệu cần để sản xuất là rất lớn và chủng loại vật liệu đa dạng và nhiều nhóm khác nhau. Mỗi chủng loại có vai trò công dụng khác nhau, muốn quản lý tốt được vật liệu và hạch toán chính xác vật liệu thì phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu một cách khoa học và hợp lý. Ở Công ty đồng Tháp hiện nay toàn bộ nguyên vật liệu sử dụng trong Công ty được chia thành 10 nhóm.

- + Kim loại: thép, đồng, sắt, nhôm, gang...
- + Vật liệu phụ: sơn, dầu mỡ, nhãn mác, phụ tùng thay thế,
- + Dây đai động cơ các loại.
- + Vật liệu điện: cầu dao, bóng đèn, dây điện.
- + Nhiên liệu: ô xi, đất đèn, than.
- + Dụng cụ cắt gọt: dao tay, dao máy, dao dũa, mũi khoan...
- + Quy chế: bulông, đai ốc, vòng điện...
- + Hoá chất: dụng cụ hoá chất, phấn, bột tan.
- + Vòng bi các loại
- + Các vật liệu khác: giẻ lau, khoá, thùng, bảo hộ lao động, dụng cụ.

2.2.2 Đánh giá nguyên vật liệu ở Công ty Đồng Tháp.

Công ty Đồng Tháp là doanh nghiệp sản xuất với quy mô rộng nên việc nhập xuất nguyên vật liệu diễn ra một cách thường xuyên, liên tục đối với từng thứ, từng loại. Nguyên vật liệu ở Công ty được hình thành từ mua ngoài, kế toán của Công ty đã sử dụng giá thực tế để hạch toán chi tiết và tổng hợp tình hình nhập - xuất kho nguyên vật liệu.

a). Giá thực tế vật tư nhập kho.

Công ty Đồng Tháp thường xuyên mua nguyên vật liệu với số lượng lớn, mà Công ty lại không có đội xe vận chuyển nên khi vật liệu được mua về nhập

kho Công ty không phải trả khoản chi phí vận chuyển bởi giá ghi trên hoá đơn của người bán là giá đã bao gồm cả chi phí vận chuyển.

b). Giá thực tế vật liệu xuất kho.

Để việc tính giá dễ dàng và đơn giản, kế toán ở Công ty Đồng Tháp sử dụng cách tính giá thực tế vật liệu xuất kho bằng phương pháp giá thực tế đích danh.

2.2.3. Phương thức hạch toán tình hình nhập - xuất nguyên vật liệu.

Việc phản ánh chính xác kịp thời tình hình nhập - xuất tồn kho nguyên vật liệu là công việc rất quan trọng đòi hỏi người thủ kho phải cẩn thận, chính xác để không làm ngừng trệ sản xuất vì thiếu vật liệu.

Hàng ngày thủ kho phải ghi và phản ánh những nguyên vật liệu đã xuất - nhập trên thẻ kho.

Các chứng từ kế toán được sử dụng để theo dõi tình hình nhập xuất nguyên vật liệu gồm:

- Phiếu nhập kho (số 01 - VT)
- Phiếu xuất kho (số 02 - VT)
- Thẻ kho (số 06 - VT)

2.2.3.1. Kế toán chi tiết hình tình nhập - xuất kho nguyên vật liệu.

Với số lượng nguyên vật liệu nhập - xuất hàng ngày là rất lớn, do đó không thể chờ đến cuối tháng thủ kho mới ghi vào thẻ kho mà phải ghi từng ngày để biết số lượng nguyên vật liệu tồn cuối ngày là bao nhiêu, để không ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất. kế toán chi tiết vật liệu ở Công ty Đồng Tháp sử dụng theo phương pháp thẻ song song.

a) Thủ tục nhập kho.

Tại Công ty Đồng Tháp chỉ xảy ra trường hợp vật liệu nhập kho do mua ngoài. Vật liệu chuyển về phải kèm theo hoá đơn mua hàng.

b) Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất do phòng kế hoạch vật tư gửi xuống, quản đốc phân xưởng lên kế hoạch sản xuất và giao việc cho từng bộ phận trực thuộc như các tổ: khởi phâm, tiện, bào phay, khoan, tổ lắp ráp để tiến hành sản xuất cho đúng tiến độ.

Dựa vào lệnh sản xuất tổ trưởng các tổ phân công công việc và tiến hành nhận vật tư để sản xuất. Và thủ kho cũng căn cứ vào lệnh sản xuất để vật tư cho các tổ.

c). Nhiệm vụ cụ thể ở kho và bộ phận kế toán.

Ở kho: thủ kho sử dụng thẻ kho theo mẫu số 06 - VT để ghi chép tình hình nhập - xuất tồn hàng ngày, với mỗi loại vật tư thì có thẻ kho riêng, trong từng nhóm vật liệu lại có những vật liệu chi tiết và tất cả những vật liệu chi tiết đó đều được ghi ở từng thẻ kho, sau đó nó được tập hợp lại thành một nhóm.

Cách ghi thẻ kho: khi có chứng từ nhập hoặc xuất vật tư, thủ kho kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ tức là phải có chữ ký của những người có liên quan như phụ trách cung tiêu, người nhận, người giao hàng, thủ kho..., sau khi những chứng từ này được coi là hợp lệ chúng sẽ được thủ kho tập hợp vào thẻ kho. Thẻ kho ghi tình hình nhập - xuất vật liệu theo trình tự thời gian, sau mỗi nghiệp vụ thủ kho lại tính số tồn kho ngay trên thẻ kho. Và thủ kho phải thường xuyên kiểm tra số lượng thực tế ở trong kho để dễ dàng phát hiện ra những trường hợp sai sót.

Ở bộ phận kế toán: kế toán vật tư sử dụng sổ chi tiết nguyên vật liệu để theo dõi tình hình nhập xuất - tồn kho nguyên vật liệu hàng ngày, với mỗi loại nguyên vật liệu khác nhau thì có sổ chi tiết riêng.

Cách ghi vào sổ chi tiết vật liệu cũng giống như vào thẻ kho, chỉ khác một điều thẻ kho do thủ kho ghi, còn sổ chi tiết vật liệu do kế toán vật liệu ghi, căn cứ vào phiếu nhập - xuất hàng ngày kế toán vật liệu có sổ ghi chi tiết sau.

2.2.3.2. Kế toán tổng hợp tình hình nhập - xuất nguyên vật liệu ở Công ty Đồng Tháp

** Tài khoản sử dụng.*

TK 152- nguyên liệu vật liệu

TK 111- tiền mặt

TK 331- phải trả người bán

TK 321- chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

TK 627- chi phí sản xuất chung

TK 641 - chi phí bán hàng

TK 133 - thuế GTGT đầu vào.

**Trình tự hạch toán:*

Đặc thù là doanh nghiệp sản xuất với số lượng nguyên vật liệu phục vụ trong quá trình sản xuất là rất lớn và nhu cầu cung cấp nguyên vật liệu là liên tục. Do đó kế toán vật tư của Công ty đã tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên. Để cập nhật tình hình nhập - xuất kho nguyên vật liệu một cách thường xuyên liên tục

Kế toán tình hình tăng nguyên vật liệu.

Căn cứ vào phiếu nhập kho số 52 ngày 7/10/2004 chưa trả tiền mua 1.397 kg thép U50 đơn giá 4.672 đ/kg của Công ty thương mại Anh Việt. Thuế GTGT 5%. Kế toán phản ánh:

Nợ TK 152: 6.509.645 (VNĐ)

Nợ TK 133: 325.483 (VNĐ)

Có TK 331 6.835.137 VNĐ)

Kế toán tình hình giảm nguyên vật liệu.

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 101 ngày 9/10/2004 xuất cho anh Hoàng tổ hàn thép U50 thuộc lần nhập ngày 7/10/2004 kế toán phản ánh:

Nợ TK 621: 2.142.900

Có TK 152: 2.142.900

□ Sổ sách sử dụng

Đối với các nghiệp vụ kế toán phát sinh liên quan đến tiền mặt và các khoản phải trả người bán kế toán sử dụng sổ sau.

+ Tiền mặt: sổ chi tiết tiền mặt, nhật ký chứng từ số 1.

+ Phải trả người bán: sử dụng sổ chi tiết thanh toán với người bán, nhật ký chứng từ số 5.

Số liệu ở sổ chi tiết TK 111, sổ chi tiết TK 331, nhật ký chứng từ số 1, số 5 chính là số liệu có được ở bảng kê nhập nguyên vật liệu.

Tập hợp số liệu ở bảng phân bổ nguyên vật liệu chính là số liệu ở bảng kê xuất nguyên vật liệu

Từ số liệu ở nhật ký chứng từ số 1 và 5 và bảng kê phân bổ nguyên vật liệu ta vào bảng kê số 3

Cách ghi vào bảng kê nhập nguyên vật liệu căn cứ vào các phiếu nhập kho trong tháng, kế toán vật tư tiến hành lập bảng kê nguyên vật liệu sau đó ghi nợ TK 152 và có các TK liên quan.

HOÁ ĐƠN			Mẫu số 01GTGT-3LL		
Liên 2 (giao cho khách hàng)			AB2004-B		
Ngày 07 tháng 10 năm 2004			043573		
Đơn vị bán hàng: Công ty Thương Mại Việt Anh.					
Địa chỉ: 394 Minh Khai - Hà Nội					
Mã số thuế: 0100507883-1					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Xuân Ngọc					
Đơn vị: Công ty Đồng Tháp					
Địa chỉ: 129 ^D Trương Định - Hà Nội.					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			Mã số thuế: 0100100223-1		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Thép U50	Kg	1.367	4.762	6.509.654
Cộng tiền hàng					6.509.645
Thuế suất		GTGT	5%	Tiền thuế GTGT	
					325.483
Tổng cộng tiền thanh toán					6.835.137
<i>Số tiền bằng chữ: Sáu triệu, tám trăm ba mươi bảy ngàn một trăm ba mươi bảy đồng</i>					
Người mua hàng		Kế toán trưởng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	

Căn cứ vào hoá đơn số 043573 ngày 7/10/2004 thủ kho tiến hành kiểm tra và vào phiếu nhập kho

PHIẾU NHẬP KHO

Đơn vị: Công ty Đồng Tháp

Mẫu số 01-VT

Địa chỉ: 129^D Trương Định Số 52

Ban hành theo QĐ

Số 1141-TC/QĐ/CDKT

Ngày 1/11/1995 của BTC

Nợ TK 152: 6.509.645

Nợ TK 133: 325.483

Có TK 331: 6.835.137

Họ tên người giao hàng: Công ty thương mại Việt Anh.

Theo hợp đồng số 314 ngày 4/10/2004.

Nhập tại kho: Sắt.

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo ctừ	Thực nhập		
	Thép U 50		Kg	1.367	1.367	4.672	6.509.654
	Thuế GTGT 5%						325.483
	Cộng						6.835.137

Cộng thành tiền: (bằng chữ): Sáu triệu, tám trăm ba mươi năm nghìn đồng, một trăm ba mươi bảy đồng.

Phụ trách cung tiêu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Thủ trưởng
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Thủ kho có trách nhiệm sắp xếp các loại vật liệu có ở trong kho một cách khoa học, hợp lý, đảm bảo yêu cầu bảo quản từng thứ, từng loại vật liệu thuận tiện cho công việc theo dõi số liệu hiện có và công tác nhập - xuất vật liệu.

Đơn vị: Công ty Đồng Tháp

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: 129^D Trương Định

QĐ số 1141/TC/CĐKT

Ngày 1/11/1995 của BTC

PHIẾU XUẤT KHO

số: 101

Nợ: TK 621

Ngày 9 tháng 10 năm 2004

Có: TK 152

Tên người nhận: Anh Hoàng - Địa chỉ (bộ phận) tổ hàn

Lý do xuất kho: làm chi tiết hàng gá đỡ của 5 máy bào thâm 40C

Xuất từ kho: Sắt

Stt	Tên quy cách sản phẩm hàng hoá	Đơn vị Tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	1	2	3	4
1	Thép U50	kg	450	450		
Cộng						

Xuất ngày.9.tháng 10 năm 2004

Phụ trách cung tiêu (ký tên)	Người giao hàng (ký tên)	Thủ kho (ký tên)	Kế toán trưởng (ký tên)	Thủ trưởng đơn vị (ký tên)
--	--	----------------------------	---------------------------------------	--

Khi nhận được một liên phiếu xuất kho thủ kho gửi lên, kế toán vật tư vào giá cho từng loại vật liệu tương ứng.

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 101 ngày 9/10/2004. Xuất 450kg thép U50 của lần nhập trước, phiếu số 52 ngày 7/10/2004. Kế toán vật tư tiến hành vào giá của vật liệu xuất kho.

Giá thực tế NVL	Số lượng NVL	Đơn giá thực tế
xuất kho	= xuất kho	x NVL tồn đầu kỳ
	= 4.762 x 450	= 2.142.900 (VNĐ)

Ví dụ: theo phiếu nhập kho số 52 ngày 7/10/2004 của Công ty thương mại Việt Anh về nhập 1.367 kg thép U50 và cũng theo phiếu xuất kho số 101 ngày 9/10/2004 xuất 450 kg thép U50 cho tổ hàn để làm chi tiết hàn giá đỡ của 5 máy bào thấm 40C. Cuối ngày thủ kho tính số lượng và ghi ở cột tồn cuối ngày 9/10/ là 2.032kg thép U50. Cùng một số phiếu nhập - xuất khác ta có thẻ kho sau:

Trích thẻ kho: 2/1/2004

QĐ 1141/TC/CĐKT

Tên kho: Sắt

Ngày 1/11/1995 của BTC

THẺ KHO

Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư thép U50

Đơn vị tính: kg

NT	Chứng từ		Ngày tháng	Diễn giải	Số lượng			ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu Nhập	Số hiệu Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu tháng 10			1.115	
	52		7/10	A.Ngọc nhập	1.367		2.482	
		101	9/10	A. hoàng - tổ hàn		450	2.032	
		103	11/10	Xuất cho tổ hàn		600	1.432	
		128	17/10	Xuất cho tổ hàn		340	1.090	
	70		20/10	A.Ngọc nhập	300		1.390	
		130	27/10	Xuất cho tổ hàn		170	1.220	
				Cộng			1.220	

Đến ngày 27/10 số lượng thép còn tồn là: 1.220kg.

Căn cứ vào số lượng của nguyên vật liệu tồn đầu kỳ, các phiếu nhập trong kỳ, các phiếu xuất trong kỳ, kế toán vào sổ chi tiết nguyên vật liệu và mỗi loại nguyên vật liệu ghi vào một trang s

Đơn vị: Công ty Đồng Tháp

Địa chỉ: 129^D - Trương Định

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Mở sổ ngày 01 tháng 10 năm 2004

Tên vật liệu (dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá) Thép U 50

Quy cách, phẩm chất

Tờ số 01

Đơn vị tính: kg

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số	Ngày				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu tháng		4.762					1.115	5.306.630
52	7/10	A.Ngọc nhập	331	4.762	1.367	6.509.654			2.482	11.819.284
101	9/10	A.Hoàng-tổ hàn	621				450	2.142.900	2.032	9.676.334
103	11/10	Xuất cho tổ hàn	627				600	2.857.200	1.432	6.319.184
128	17/10	Xuất cho tổ hàn	627				340	1.628.604	1.090	5.190.580
70	20/10	A.Ngọc nhập	331	6.762	300	1.428.600			1.390	6.619.180
130	27/10	Xuất cho tổ hàn					170	809.540	1.220	5.809.640
		Cộng			1.667	7.939.254	1.562	7.438.244	1.220	5.809.640

Tồn kho cuối tháng 10: 1.220 kg

Hà nội, ngày 31 tháng 10 năm 2004

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Từ các phiếu nhập kho trong tháng 10 vào bảng kê nhập nguyên vật liệu.

BẢNG KÊ NHẬP NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 10 năm 2004

Đơn vị tính: VND

Ngày	Số phiếu	Tên vật liệu	Đơn giá	Số lượng	Nợ tài khoản		Có tài khoản	
					152	133	331	111
7/10	52	Thép U50	4.762	1.367	6.509.654	325.482	6.835.137	
9/10	55	Thép ống 25 x 3	6666.7	772.5	4.815.662	240.833	5.057.495	
		Thép ống 48 x 10	6666.7	1773.5	11.823.322	591.166	12.444.488	
10/10	58	Đồng cây	31.000	886.2	27.472.200	2.747.220		30.219.420
13/10	61	Tôn 19 ly	4762	16.640	79.239.680	7.923.967	87.163.648	
		Tôn 21 ly	4762	1191.6	5.674.399	567.440	6.241.839	
20/10	70	Thép 50	4762	300	1.428.600	71.430	1.500.303	
23/10	75	Nhập các kim loại khác			42.580.080	4.258.008	46.838.088	
		Cộng kim loại			179.544.597	16.725.548	166.050.725	30.219.420
26/10	80	Nhập các vật liệu khác			111.620.383	11.162.038	122.782.421	
28/10	90	Các nhóm vật liệu còn lại			97.812.340	9.781.230		107.593.574
		Cộng			388.977.320	37.668.820	288.833.146	137.812.994

Thuế GTGT của thép là 5%, thuế GTGT của các nguyên vật liệu khác là 10%

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 101 và các phiếu xuất kho khác trong tháng kế toán vào bảng kê xuất nguyên vật liệu.

Đơn vị: Công ty Đồng Tháp

ĐC: 129^D - Trương Định

BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 10 năm 2004

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đ.v tính	Số lượng	Thành tiền	Có TK 152, Nợ các TK khác		
Số	Ngày					621	627	641
103	9/10	Xuất thép U50 cho A.Hoàng tổ hàn làm giá đỡ máy bào thâm 40C	Kg	450	2.142.900	2.142.900		
105	11/10	Xuất thép U50 cho tổ hàn sửa chữa máy CD7	Kg	600	2.857.200		2.857.200	
107	12/10	Xuất thép ống $\phi 25 \times 3$ làm chi tiết máy CD7M	Kg	981.5	6.543.327	6.543.327		
115	13/10	Xuất tôn 19 ly làm an toàn các loại máy CD7	Kg	15.650	74.525.300	74.525.300		
116	14/10	Xuất thép ống $\phi 48 \times 10$ làm chi tiết máy CD7	Kg	2.117	14.113.319	14.113.319		
121	15/10	Xuất tôn 21 ly sửa chữa máy tiện gỗ	Kg	1.121	5.371.452		5.371.452	

128	16/10	Xuất Đồng cây vàng φ45 sửa chữa máy bào cuốn 500	Kg	1.211	37.541.000		37.541.000	
130	17/10	Xuất thép U50 sửa chữa máy đục lỗ vuông	Kg	342	1.628.604		1.628.604	
135	27/10	Xuất thép U50 làm chi tiết máy CD7		170	809.540		809.540	
140	28/10	Xuất các kim loại khác vừa sửa chữa vừa làm chi tiết máy			32.521.400	32.521.400		
					19.669.840		19.669.840	
		Cộng kim loại			197.723.882	129.846.246	67.887.636	
		Xuất các loại kim loại khác			161.781.140	161.781.140		
					2.794.364		2.794.364	
					6.948.500			6.948.500
		Tổng cộng			369.257.886	70.682.000		6.948.500

Ngày 31 tháng 10 năm 2004

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Cuối tháng căn cứ vào bảng kê xuất nguyên vật liệu từ các Nhật ký chứng từ, kế toán vật tư tiến hành tổng hợp số liệu vào bảng kê số 3:

Đơn vị: Công ty Đồng Tháp

Địa chỉ: 129^D-Trương Định

BẢNG KÊ SỐ 3

Tháng 10/2004

Tính giá thành thực tế vật liệu

STT	Diễn giải	TK152
1	I. Số dư đầu tháng	192.828.884
2	II. Số phát sinh trong tháng	388.977.320
3	- Từ NKC từ số 1 (có TK111)	125.284.540
4	- Từ NKC từ số 5 (có TK331)	263.692.780
5	III. Cộng số dư đầu tháng và số phát sinh trong tháng(I+II)	581.806.204
	IV. Hệ số chênh lệch	
6	V. Xuất dùng trong tháng	369.257.886
7	VI. Tồn kho cuối tháng (III-V)	212.548.218
8		

Ngày 31 tháng 10 năm 2004

Kế toán ghi số

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Từ bảng kê số 3 và bảng kê xuất kế toán tiến hành phân bổ nguyên vật liệu cho từng đối tượng sử dụng

Căn cứ vào phiếu xuất kho nguyên vật liệu và giá thành thực tế của từng loại vật liệu lấy từ bảng kê số 3

Giá trị vật liệu xuất kho trong tháng theo giá thành thực tế phản ánh trong bảng phân bổ này theo từng đối tượng sử dụng được dùng làm căn cứ để ghi vào bên có tài khoản 152 của bảng kê nhật ký chứng từ và sổ kế toán liên quan. Số liệu của bảng phân bổ đồng thời được sử dụng để tính giá thành sản phẩm.

Đơn vị: Công ty Đồng Tháp

Địa chỉ: 129^D - Trương Định

BẢNG PHÂN BỔ NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 10 năm 2004

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Ghi có TK Đối tượng sử dụng	TK152(TT)
1.	TK621	<u>291.627.386</u>
	1 máy CD7	104.514.200
	2 máy CD7M	27.132.820
	3 máy CD8	30.079.510
	4 máy đục lỗ vuông	11.666.309

	5 máy bào thảm 40C	7.438.244
	6 máy bào cuốn 500	8.982.100
	7 máy phay đứng một trục	2.151.400
	8 máy tiện gỗ	3.980.800
	9 máy nhà nhám băng	3.242.700
	10 máy ép dọc	21.986.180
	11 máy hút bụi	2.640.200
	12 máy cửa đĩa	8.865.100
	13 máy ca lượn 6A	4.638.400
	14 máy đánh nhẵn 120	1.175.400
	15 máy mài lưỡi bào	4.941.950
	16 máy đánh nhẵn 300	1.674.200
	17 máy kiên hợp 400	31.900.800
	18 máy ca đĩa 300	11.154.400
	19 phân xưởng moayơ	3.462.673
2.	TK627	<u>70.682.000</u>
3.	TK641	<u>6.948.500</u>
	Tổng cộng	369.257.886

Ngày 31 tháng 10 năm 2004

Người lập bảng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Sau khi lập bảng phân bổ nguyên vật liệu, kế toán tiến hành ghi vào sổ cái TK 152.

Đơn vị: Công ty Đồng Tháp

Địa chỉ: 129^D-Trương Định

SỔ CÁI

Tài khoản 152

Đơn vị tính: đồng

Số dư đầu năm

Nợ:

Có

Ghi có các TK đối ứng	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 12	Cộng
Ghi từ NKCT số 1 (Có TK111)	192.828.884	125.284.540			
Ghi từ NKCT số 5 (Có TK 331)		263.692.780			
Cộng số SP nợ:		388.977.320			
Cộng số SP có		369.257.886			
Số dư cuối tháng:		212.548.218			
Nợ					
Có					

Ngày 31 tháng 10 năm 2004

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lấy số liệu từ NKCT 1: phần ghi nợ TK 152 đối ứng có TK 111.

Lấy số liệu từ NKCT 5: phần ghi nợ TK 152 đối ứng có TK 331.

- Số phát sinh có: lấy từ dòng tổng cộng xuất trên bảng phân bổ số 3 “BPBVL”.

- Số phát sinh nợ: lấy từ dòng tổng cộng nhập trên bảng kê nhập nguyên vật liệu.

Đơn vị: Công ty Đồng Tháp
ĐC: 129^D - Trương Định

Mẫu 02- TT
QĐ số 141 – TC/QĐ

ngày 1/11/1995 của Bộ tài chính

PHIẾU CHI

Quyển số 35

Số 1220

Nợ TK 152 27.472.200

Có TK 111 2.747.220

Họ tên người nhận tiền: Anh Nguyễn Đình Chí

Địa chỉ: Công ty THHH Tân Tiến

Lý do chi: Trả tiền mua Đồng cây vàng $\phi 45$, DN 212-HĐ40984

Số tiền 30.219.420

Viết bằng chữ: Ba mươi triệu, hai trăm mười chín nghìn, bốn trăm, hai mươi đồng.

Kèm theo Chứng từ gốc.....

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ).....

Ngày 10 tháng 10 năm 2004

Thủ trưởng	Kế toán trưởng	Người nhận phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Căn cứ vào phiếu chi số 1220 ngày 10 tháng 10 năm 2004 kế toán phản ánh vào sổ chi tiết tiền mặt

Công ty Đồng tháp
 ĐC: 129^D - Trương Định

SỔ CHI TIẾT TK 111 - TIỀN MẶT

Tháng 10 năm 2004

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày Tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK111 có các TK khác		Cộng nợ	Ghi có TK111, ghi nợ các TK khác		Cộng có TK111
	Số	Ngày					152	133	
10/10	40984	10/10	Cây Đồng vàng φ45				27.472.200	2.747.200	30.219.420
			Cộng				27.472.200	2.747.200	30.219.420

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 10 năm 2004
 Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Căn cứ vào chi tiền mặt số 1220 ngày 10/10/2004 và các phiếu chi tiền mặt khác trong tháng kế toán phản ánh vào nhật ký chứng từ số 1.

Đơn vị: Công ty Đồng Tháp

ĐC: 129^D - Trương Định

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1

Ghi có TK 111-Tiền mặt

Tháng 10 năm 2004

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Ngày	Ghi có TK111, ghi nợ các TK khác					Cộng có TK111
		TK152	133	
1	10/10	27.472.200	2.747.220				30.219.420
	
2	28/10	97.812.340	9.781.234				107.593.574
	Cộng	125.284.540	12.528.454				137.812.994

Ngày 31 tháng 10 năm 2004

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Số liệu trên NKCT số 1 trong tháng 10 là căn cứ để ghi vào các sổ cái liên quan.

Trong trường hợp mua vật liệu chưa thanh toán cho người bán, và các nghiệp vụ liên quan đến mua nguyên vật liệu được phản ánh trong sổ chi tiết thanh toán với người bán.

Đơn vị: Công ty Đồng Tháp
 Địa chỉ: 129^D-Trương Định

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

TK331-tháng 10 năm 2004

Tên người bán: Công ty TM Việt Anh

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Diễn giải	Dư đầu kỳ		Hoá đơn		P.Nhập		Ghi có TK 331, nợ các TK khác			Ghi có TK 331, có các TK khác				Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Số	Ngày	Số	Ngày	152	133	Cộng có Tk 331	111	112	...	Cộng nợ Tk 331	Nợ	Có
1	Số dư đầu tháng															
2	Phát sinh: -Mua chịu thép U50					52	7/10	6.509.654	325.483	6.835.137						6.835.137
3	Tổng phát sinh															
	Số dư cuối kỳ							6.509.654	325.483	6.835.137						6.835.137

Viết bằng chữ: Sáu triệu, tám trăm ba mươi nghìn, một trăm ba mươi đồng.

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 10 năm 2004
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Số liệu trên các sổ chi tiết thành toán với người bán sẽ được ghi vào NKCT số 5.

Đơn vị: Công ty Đồng Tháp

Địa chỉ: 129^D-Trương Định

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 5

Ghi có TK 331-phải trả người bán

Tháng 10 năm 2004

STT	Tên khách hàng	Dư đầu tháng		Ghi có TK331, nợ các TK khác			Ghi nợ TK331, có các TK khác	Dư cuối tháng	
		Nợ	Có	152	133	Cộng có TK331		Nợ	Có
1	Công ty TM Việt Anh			6.509.654	325.483	6.837.137			6.837.137
2	Công ty Mai Động			18.068.584	903.429				18.972.013
3	Công ty Đức Phương Nam			239.114.542	23.911.454				263.025.996
	Cộng			263.962.780	25.140.366	6.837.137			288.833.146

Ngày 10 tháng 10 năm 2004

Kế toán ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Cuối tháng thủ kho tổng hợp các phiếu nhập và các phiếu xuất trong tháng vào báo cáo tổng hợp nhập - xuất - tồn.

BÁO CÁO TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN VẬT TƯ

Tháng 10 năm 2004

Tên vật tư	Đơn vị tính	Tồn kho đầu tháng			Nhập kho trong tháng			Xuất kho trong tháng			Tồn kho cuối tháng		
		Số Lượng	Đơn giá	T.tiền	Số lượng	Đơn giá	T.tiền	Số lượng	Đơn giá	T.tiền	Số lượng	Đơn giá	T.tiền
Nhóm sắt thép													
Thép U50	kg	1.115	4.762	5.309.630	1.667	4.762	7.938.254	1.562	4.762	7.438.244	1.220	4.762	5.809.640
Thép ống 25x3	kg		66.666	6.246.660	7.225	666.66	4.816.662	981.5	666.66	6.643.327	678	666.66	4.519.995
Thép ống 48x10	kg	996	6666.66	6.639.993	1773.5	6666.6	11.823.323	2117	6666.66	14.113.319	625.5	6666.66	4.649.996
Tôn 19 ly	kg	1.250	4.762	5.952.500	16.640	4762	79.239.680	15650	4762	74.525.300	2240	4762	10.666.880
Tôn 21 ly	kg	875	4.800	4.200.000	11.91.6	4800	5.674.399	1121	4800	5.371.452	945.6	4800	4.502.947
Đồng cây vàng	kg	998	31.000	30.938.000	8.86.2	31.000	27.472.200	1211	31.000	37.541.000	673.2	31.000	20.859.200

Kim loại khác	kg			30.420.587			42.580.080			52.191.250			20.809.327
Cộng				89.707.370			179.544.597			197.723.882			71.527.985
Nhập các vật liệu khác				65.000.000			111.620.383			161.781.140			14.839.243
Các nhóm vật liệu còn lại				38.121.514			97.812.340			9.725.864			126.180.990
Cộng				192.828.884			388.977.320			369.257.916			212.548.218

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU Ở CÔNG TY ĐỒNG THÁP

3.1.SỰ CẦN THIẾT.

Sự phát triển của nền kinh tế, kinh tế thị trường càng phát triển thì quy mô hoạt động của doanh nghiệp càng phát triển và nhất là trong điều kiện mới, xu hướng khu vực hoá, quốc tế hoá tạo ra xu hướng vừa hợp tác, vừa cạnh tranh ngày càng tăng. Vì vậy doanh nghiệp sản xuất càng phải quan tâm tới nguyên vật liệu đầu vào. Sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều hướng tới mục tiêu cuối cùng là lợi nhuận. Vì vậy, việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm luôn là vấn đề được các doanh nghiệp quan tâm. Ở Công ty Đồng Tháp, thì đây cũng là một vấn đề được ban lãnh đạo quan tâm. Và một trong những biện pháp để đạt được mục tiêu trên đó là phải chú trọng quan tâm đến việc giảm chi phí đầu vào (nguyên vật liệu) nhằm mục đích hạ giá thành sản phẩm.

3.2. NHỮNG ƯU, NHƯỢC ĐIỂM

Trong thời gian thực tập ở Công ty Đồng Tháp, trên cơ sở thực tiễn, em thấy đối với công tác kế toán nguyên vật liệu của Công ty nói riêng có một số những ưu điểm:

- Công tác hạch toán ban đầu ở Công ty đã theo đúng quy định ban hành từ khâu lập chứng từ đến khâu luân chuyển chứng từ cụ thể là phiếu nhập kho nguyên vật liệu, phiếu xuất kho nguyên vật liệu.

- Việc tổ chức thu mua vật liệu ở Công ty do phòng vật tư đảm nhiệm có nhân viên thu mua rất hoạt bát nhanh nhạy trong công việc nắm bắt giá cả thị trường, cho nên vật liệu luôn đảm bảo đúng số lượng, chất lượng, chủng loại với giá cả hợp lý theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Điều này đã đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty làm cho tiến độ sản xuất công đạt hiệu quả cao.

- Việc tổ chức bảo quản vật liệu trong kho cũng được Công ty quan tâm Công ty đã xây dựng hệ thống kho tàng tương đối tốt đảm bảo nguyên vật liệu tư được trông coi cẩn thận không xảy ra tình trạng hỏng hóc hay mất mát.

- Về cơ bản hệ thống sổ kế toán, tài khoản Công ty sử dụng theo đúng mẫu biểu của Nhà nước ban hành phù hợp với điều kiện cụ thể của Công ty, đảm bảo theo dõi tình hình vật liệu, tính toán phân bổ chính xác kịp thời cho từng đối tượng.

- Công tác kế toán nguyên vật liệu đã không ngừng được hoàn thiện, đảm bảo thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán với các bộ phận khác, số liệu được phản ánh trung thực, chính xác, rõ ràng tình hình hiện có và sự biến động của vật liệu.

- Công ty đã áp dụng hình thức NKCT theo hệ thống tài khoản hiện hành. Đây là hình thức kế toán rất phù hợp với qui mô sản xuất của Công ty.

Song bên cạnh các thành tích đạt được, kế toán vật liệu của Công ty còn có một số vấn đề tồn tại như sau:

Thứ nhất : Công ty Đồng Tháp chưa xây dựng được hệ thống định mức tồn kho cho từng loại nguyên vật liệu, vì vậy có thể gây lãng phí do dự trữ vật tư trên mức cần thiết, điều đó sẽ ảnh hưởng đến công tác định mức vật tư vốn lưu động cũng như xác định nhu cầu vốn lưu động hàng quý, năm thiếu chính xác. Việc xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu mới chỉ là bắt đầu, chưa hoàn thiện. Vì vậy lượng tiêu hao nguyên vật liệu không được tính toán trước mà chỉ dựa vào bản vẽ để ký duyệt. Như vậy sẽ dẫn đến trường hợp lãng phí nguyên vật liệu.

Thứ hai: Việc xây dựng hệ thống danh điểm nguyên vật liệu của Công ty chưa thực hiện tốt. Việc lập danh điểm vật liệu chỉ do mình kế toán vật liệu làm theo chủ quan chứ chưa thống nhất, do đó việc đối chiếu giữa kho và phòng kế toán sẽ gặp khó khăn. Chính vì thế cần xây dựng một hệ thống danh điểm vật liệu thống nhất trong toàn Công ty để dễ dàng kiểm tra tình hình nhập - xuất - tồn kho vật liệu. Điều này là hoàn toàn cần thiết đối với Công ty, nó giúp kế toán dễ dàng kiểm tra, đối chiếu, theo dõi, nâng cao hiệu quả công tác kế toán.

3.3. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU Ở CÔNG TY ĐỒNG THÁP:

Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác kế toán vật liệu ở Công ty, để không ngừng hoàn thiện và phát huy vai trò của công tác kế toán vật liệu, em xin mạnh dạn đề xuất một số ý kiến như sau:

Ý kiến thứ nhất: Xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu thống nhất toàn Công ty. Lập danh điểm vật tư hàng hoá là qui định cho mỗi thứ vật tư một ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số thay thế tên gọi, qui cách, kích cỡ của chúng. Công ty cần phải xây dựng một mẫu danh điểm thống nhất trong toàn Công ty, cụ thể như sau:

Khi đánh số danh điểm vật liệu cho từng loại vật liệu như vật liệu chính, vật liệu phụ nên đánh theo hình thức tài khoản cấp 2 bằng danh điểm 1521, 1522 ..., cách đánh này giúp chúng ta dễ nhận biết vật liệu chính, vật liệu phụ... đồng thời tên danh điểm này phù hợp với chế độ qui định hiện hành. Còn việc đánh nhóm vật liệu (01, 02...) trên cơ sở số liệu của loại vật liệu, sau đó nên căn cứ vào số liệu của từng thứ trong nhóm đó mà đánh từ 2 đến 3 chữ số. (Ta có thể lập số danh điểm theo mẫu trang sau)

STT	Nhóm vật tư	Tên vật tư	Đơn vị tính
1	000	Kim loại	Kg
	0-002	Thép	

	0-0021	Thép U	
	0-00211	Thép U50 Thái Nguyên	
	0-00212	Thép U120	
2	20	Hoá chất, bột tan	
	20-001	Hàn the	
	20-002	Keo dính	
3	21	Đinh các loại	
	21-001	Đinh rút	
	21-002	Đinh nhôm	
4	23	Dây đai	
	23-001	Dây đai B80	
	23-002	Dây đai C 120	

Việc lập danh điểm có thể làm theo cách riêng nhưng cần đảm bảo yêu cầu dễ nhớ và hợp lý, tránh nhầm lẫn và trùng lặp. Đồng thời phải có sự nhất quán giữa các bộ phận liên quan trong nội bộ Công ty, nhằm thống nhất quản lý vật tư hàng hoá trong Công ty, kể cả có áp dụng kế toán trên máy vi tính hay không.

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày.....

Số.....

Căn cứ quyết định số.....ngày...../...../..... của ban giám đốc, ban kiểm nghiệm gồm có:

.....
.....
.....

Đã tiến hành kiểm nghiệm các loại vật tư cụ thể sau:

Stt	Tên nguyên vật liệu và quy cách phẩm chất	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	ĐV tính	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
					S.lượng đúng quy cách	S.lượng sai quy cách	
1							
2							
...							

Ý kiến của ban kiểm nghiệm:.....

Đại diện kỹ thuật

Người nhận

Trưởng ban

Ý kiến thứ sáu: Về việc lập bảng kê và bảng phân bổ nguyên vật liệu.

Hiện nay, bảng phân bổ vật liệu của Công ty chưa phản ánh từng loại vật liệu mà phản ánh tổng cộng cho tài khoản 152. Như vậy sẽ gây khó khăn cho quản lý nguyên vật liệu.

Vì vậy Công ty nên lập bảng kê và phân bổ vật liệu chi tiết theo từng loại nguyên vật liệu. Ví dụ để phản ánh ta có thể chi tiết tài khoản 1521 nhóm kim loại, sau đó chi tiết tới từng mặt hàng trong nhóm này.

Mẫu bảng phân bổ nguyên vật liệu như sau:

ST T	Diễn giải	TK 15211 Sắt U 50			TK 15221 Vật liệu phụ			TK 15231 Dây đai động cơ các loại			TK các loại vật liệu khác			Cộng TK 152
		SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT	
1.	I. Số dư đầu tháng
2.	II. Số phát sinh trong tháng
3.	-Từ NKCT số 1((có TK 111)													
4.	-Từ NKCT số (có TK 331)													
5.	Cộng số dư đầu tháng và số phát sinh trong tháng (I+II)													
6	Xuất dùng trong tháng													
7	Tồn kho cuối tháng (III-V)

Ngày.... thángnăm....

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản không thể thiếu của quá trình sản xuất trong Công ty Đồng Tháp. Chi phí vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn trong giá thành sản phẩm của Công ty. Vì vậy, công tác quản lý và kế toán nguyên vật liệu là một nội dung quan trọng trong công tác quản lý, nếu quản lý tốt sẽ góp phần tiết kiệm chi phí vật liệu, sử dụng hợp lý và có hiệu quả nguyên vật liệu, giảm giá thành sản phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm, tăng lợi nhuận cho Công ty.

Công tác quản lý, kế toán nguyên vật liệu là công tác lớn và phức tạp, không phải chỉ một sớm, một chiều là giải quyết được ngay. Do thời gian nghiên cứu và hiểu biết có hạn, trong chuyên đề này mới chỉ đi vào nghiên cứu một số vấn đề chủ yếu về cơ sở lý luận của công tác quản lý, kế toán vật liệu nói chung trong các ngành sản xuất vật chất và thực tiễn ở Công ty Đồng Tháp nói riêng.

Là một sinh viên thực tập em đã tìm hiểu nghiên cứu nhận xét đánh giá chung và đưa ra những mặt còn tồn tại trong công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty. Trên cơ sở phân tích những ưu nhược điểm từ đó đề xuất một số ý kiến với nguyện vọng để Công ty tham khảo nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu. Tuy nhiên do trình độ cũng như nhận thức của bản thân còn hạn chế, chuyên đề này không thể tránh khỏi những sai sót và

hạn chế nhất định. Em kính mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô giáo, các anh các chị trong Công ty.

Em xin cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của các anh chị trong phòng kế toán và thầy giáo **Nguyễn Quốc Trung** đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp.

Hà Nội, tháng 7 năm 2005

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Hải Yến

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổ chức hạch toán kế toán - GS.TS. Nguyễn Thị Đông - ĐH KTQD
2. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính thuế VAT- Chủ biên: PTS Nguyễn Văn Công-ĐHKTQD-NXB Tài chính-1999.
3. Hướng dẫn hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp. Tên tác giả: TS Võ Văn Nhị - Giảng viên Đại học Kinh Tế khoa Kế toán kiểm toán ĐHTPHCM- NXB Thống Kê 2001.
4. Kế toán doanh nghiệp theo luật kế toán mới tài chính TT tác giả học viện tài chính
Chủ biên: PGS.TS Ngô Thế Chi - TS Trương Thị Thủy. Nhà xuất bản Thống Kê Hà Nội. Năm 2003

